

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/DS-PT

Ngày: 15-8-2019

V/v “tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng
chế để thi hành án theo quy định của pháp luật
về thi hành án dân sự”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyền

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 29 tháng 05 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm: 1963; địa chỉ cư trú: Ô L, khu phố S, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Ngọc B, sinh năm: 1967 và ông Cao Minh T1, sinh năm: 1971; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn X, sinh năm: 1966; địa chỉ cư trú: Ô P, khu phố R, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh là chồng bà N; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông X là bà Phan Thị N; theo văn bản ủy quyền ngày 07-01-2019.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Chấp hành viên là người đại diện

theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền số 104/UQ-CCTHA ngày 05-01-2019), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phan Ngọc V, sinh năm: 1970; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã G, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Thị N là nguyên đơn; bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 là bị đơn; bà Phan Ngọc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Phan Thị N trình bày: Vào năm 2007 bà đứng ra đi mua đất đến năm 2008 bà xây nhà cho bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 ở. Bà B và ông T1 có hứa sớm trả lại tiền mua đất và tiền xây nhà cho bà nhưng đến nay đã hơn 10 năm bà B và ông T1 không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bà B và ông T1 trả lại tiền và vàng vợ chồng bà đã mua đất và cất nhà cho bà B và ông T1 gồm 52 chỉ vàng 24K 98%, trị giá 182.000.000 đồng và tiền mặt 150.000.000 đồng, tổng cộng là 332.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại biên bản lấy lời khai các ngày 06/8/2018, 11/10/2018, 16/10/2018 và đơn yêu cầu ngày 19/8/2018, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà yêu cầu bà B và ông T1 giao trả lại nhà đất mà UBND huyện Bến Cầu cấp giấy cho vợ chồng bà B ngày 11/10/2007; diện tích đo đạc thực tế là 55,6 m² trên đất có ngôi nhà cấp 4B diện tích 56 m². Lý do: Các bên đã thỏa thuận trong 02 năm nếu bà B và ông T1 không trả lại tiền, vàng thì phải giao lại nhà cho vợ chồng bà theo giấy tay ngày 24/7/2007 và giấy mượn tiền ngày 20/02/2008.

Bị đơn - Bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 trình bày: Vào năm 2007 vợ chồng ông bà có vay của vợ chồng bà N 52 chỉ vàng để mua phần đất của ông Huỳnh Công Trường tại ấp Long Châu, xã Long Khánh và được cấp giấy CNQSDĐ năm 2007. Đến năm 2008 ông bà tiếp tục vay của vợ chồng bà N số tiền 150.000.000 đồng để xây nhà. Trước khi mua đất có cam kết với vợ chồng bà N là vợ chồng bà sẽ sớm trả tiền lại cho vợ chồng bà N nếu không thì phải giao nhà đất. Do vợ chồng bà chưa trả nợ cho vợ chồng bà N nên nay bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà giao trả nhà đất thì bà đồng ý.

Do ông bà phải thi hành 02 bản án với số tiền hơn 200 triệu đồng nên bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu kê biên nhà đất. Ngày 02/7/2018 bà Phan Ngọc V cho ông bà vay 50 triệu đồng nộp tại Chi cục Thi hành án nên được giao trả lại giấy CNQSDĐ và bà V giữ giấy này. Ông bà đồng ý trả lại nhà đất cho vợ chồng bà N.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu trình bày: Chi cục THA đang thụ lý giải quyết 02 đơn yêu cầu Thi hành án đối với bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 của bà Huỳnh Thị Bích Tuyên với số tiền 219.458.500 đồng và bà Phan Thị Hỉ với số tiền 35.500.000 đồng, nộp án phí 10.000.000 đồng. Quá trình

làm việc, Chi cục đã tạm giữ của ông T1, bà B 01 giấy CNQSDĐ được UBND huyện Bến Cầu cấp ngày 11/10/2007. Xác minh điều kiện thi hành án cho thấy QSDĐ trên có diện tích 56 m² và căn nhà cấp 4B gắn liền trên đất là tài sản duy nhất của ông T1 và bà B. Khi bà Tuyên có đơn yêu cầu kê biên tài sản thì ngày 29/6/2018 Chấp hành viên đã ban hành Quyết định kê biên tài sản này của ông T1, bà B để đảm bảo thi hành án.

Tại biên bản giải quyết ngày 02/7/2018 của chi cục THA thì vợ chồng bà B nộp 50.000.000 đồng để nhận lại giấy CNQSDĐ trên và cam kết sẽ giao, nộp lại giấy nếu Chi cục có yêu cầu nên ngày 02/7/2018 Chi cục đã trả lại tài sản, giấy tờ cho ông T1, bà B và ra Quyết định số 02/QĐ-CCTHA ngày 02/7/2018 về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản đối với QSDĐ của ông T1, bà B. Việc ra quyết định kê biên tài sản của bà B và ông T1 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, chi cục THA đã ra quyết định hoãn thi hành án ngày 25/12/2018 để chờ kết quả giải quyết của TAND huyện Bến Cầu.

Bà Phan Ngọc V trình bày: Tháng 7/2018 bà có cho vợ chồng bà B vay 50.000.000 đồng để vợ chồng bà B nộp cho Chi cục THA nhằm lấy giấy CNQSDĐ của bà B, ông T1 ra để bà B, ông T1 trả lại nhà và đất cho bà N. Giấy CNQSDĐ hiện tại do bà giữ. Đối với số tiền 50.000.000 đồng cho vợ chồng bà B vay, bà không yêu cầu trong vụ án này.

- Ông Đặng Văn X trình bày: Ông là chồng của bà N, ông thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 66, Điều 75 của Luật Thi hành án Dân sự; Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 158, Điều 165, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 19 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất và nhà của bà Phan Thị N và ông Đặng Văn X đối với bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1.

2. Buộc bà Phan Ngọc V giao lại cho bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 giấy CNQSDĐ số HL01645/QSDĐ/1516/2007/HĐ-CN do UBND huyện Bến Cầu, tỉnh Tây N cấp ngày 11/10/2007 cấp cho bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị N và ông Đặng Văn X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Hoàn trả cho bà N 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021453 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây N. Bà Phan Ngọc B, ông Cao

Minh T1, bà Phan Ngọc V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu không phải chịu án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 10-6-2019 nguyên đơn là Bà Phan Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà B phải thực hiện cam kết 2008 là trả nhà đất lại cho bà.

Ngày 06-6-2019 bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 kháng cáo đồng ý trả nhà đất cho bà N;

Ngày 05-6-2019 bà Phan Ngọc V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu trả lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B hoặc phải tuyên bà B giao trả nhà đất cho bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N, bà B, ông T1, bà V đều trình bày kháng cáo đề yêu cầu Tòa án tuyên vợ chồng bà B giao nhà đất cho vợ chồng bà N, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bà N, bà B, bà V, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 18-5-2018 bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T1 và bà B trả tiền, vàng. Đến ngày ngày 19-8-2018, bà N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là tranh chấp nhà đất, nhưng nhà đất này đã bị Chi cục THA huyện Bến Cầu ra quyết định kê biên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự” là đúng với quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ giữa bà N, bà B và bà V là chị em ruột. Bà N cho rằng nhà đất mà vợ chồng bà B, ông T1 đang đứng tên là do bà mua cho vợ chồng bà B,

nhưng không phải là tặng cho mà chỉ cho đứng tên và ở, đồng thời vợ chồng bà B phải có nghĩa vụ trả lại tiền, vàng cho bà. Mặc dù vợ chồng bà B thừa nhận và đồng ý trả nhà đất cho vợ chồng bà N, nhưng việc đồng ý trả nhà đất của vợ chồng bà B không đúng quy định của pháp luật vì vợ chồng bà B còn đang phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người khác theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Mặt khác, ngoài phần đất mà vợ chồng bà B đứng tên đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu kê biên thì vợ chồng bà B không còn tài sản nào khác. Trường hợp vợ chồng bà B đồng ý giao nhà đất cho bà N sẽ không còn tài sản nào khác để thi hành các khoản nợ của vợ chồng bà B, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi nhà đất của bà N là có căn cứ, do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[3] Bà N chỉ yêu cầu vợ chồng bà B trả nhà đất, không yêu cầu vợ chồng bà B trả lại tiền mà bà cho rằng đã bỏ ra mua đất, xây nhà hoặc trả lại giá trị nhà đất theo giá hiện tại. Bà V cũng không yêu cầu vợ chồng bà B trả lại tiền cho bà B vay để nộp cho Cơ quan Thi hành án nên cấp sơ thẩm không giải quyết buộc vợ chồng bà B trả lại tiền, vàng cho bà N cũng như không thụ lý giải quyết yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa bà V với vợ chồng bà B là có cơ sở, đúng pháp luật và ý chí của các bên.

[4] Bà B, ông T1 không yêu cầu bà V trả lại giấy CNQSDĐ nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc V giao trả lại giấy cho bà B, ông T1 là không cần thiết, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà N, bà B, ông T1, bà V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Những nội dung khác của bản án không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị N, Phan Ngọc B, Cao Minh T1, Phan Ngọc V; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N đối với bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 về việc tranh chấp đối với phần đất có diện tích 55,6 m², thửa số 30 (thửa mới 1464), tờ bản đồ số 18, do UBND huyện Bến Cầu cấp cho bà Phan Ngọc B và ông Cao Minh T1 ngày 11/10/2007, trên đất có nhà cấp 4B; tọa lạc tại ấp Long Châu, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; hoàn trả cho bà N 8.000.000 (tám triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021453, ngày 18-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Phan Ngọc B, ông Cao Minh T1, bà Phan Ngọc V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu không phải chịu án phí.

3. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá: Bà Phan Thị N phải chịu 2.000.000 đồng (đã nộp xong).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N, vợ chồng bà B, bà V mỗi người phải chịu 300.000 đồng; ghi nhận đã nộp xong từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo các biên lai thu số 0022019, ngày 11 tháng 6 năm 2019; biên lai thu số 0022012 ngày 06 tháng 6 năm 2019; biên lai thu số 0022006 ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây N.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Những nội dung khác của bản án không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Bến Cầu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS huyện Bến Cầu;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh